

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 44/1999/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về ưu đãi thuế đối với hợp tác xã

Căn cứ Luật Hợp tác xã được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ pháp luật về thuế và pháp luật về thu đối với đất đai hiện hành;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi về thuế đối với Hợp tác xã, như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẠM VI ÁP DỤNG

Đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế quy định tại Thông tư này là các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và các quỹ tín dụng nhân dân (dưới đây gọi chung là Hợp tác xã) được thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh theo Luật Hợp tác xã được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

Chế độ ưu đãi của từng sắc thuế áp dụng đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh cụ thể của Hợp tác xã được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Về thuế môn bài:

a) Hợp tác xã nộp thuế môn bài theo điểm 2, Mục I Thông tư số 69-TC/TCT ngày 5/11/1996 của Bộ Tài chính.

b) Các cửa hàng, cửa hiệu, đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc Hợp tác xã nộp thuế môn bài theo điểm 3, Mục I Thông tư số 69-TC/TCT ngày 5/11/1996 của Bộ Tài chính.

c) Xã viên, nhóm xã viên (gọi chung là xã viên) nhận nhiệm vụ Hợp tác xã giao thì không phải nộp thuế môn bài riêng. Xã viên Hợp tác xã được xác định như sau:

+ Đối với xã viên Hợp tác xã Thương mại: phải có đủ điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên Hợp tác xã theo đúng quy định tại Nghị định số 41/CP ngày 29/4/1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thương mại;

+ Đối với xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp: phải có đủ điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên Hợp tác xã theo đúng quy định tại Nghị định số 43/CP ngày 29/4/1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp;

+ Đối với xã viên Hợp tác xã Công nghiệp và Xây dựng: phải có đủ điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên Hợp tác xã theo đúng quy định tại Nghị định số 44/CP ngày 29/4/1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ Mẫu Hợp tác xã Công nghiệp và Xây dựng;

+ Đối với xã viên Hợp tác xã Giao thông vận tải: phải có đủ điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên Hợp tác xã theo đúng quy định tại Nghị định số 45/CP ngày 29-4-1997 của Chính phủ ban hành điều lệ mẫu Hợp tác xã Giao thông vận tải;

+ Đối với xã viên Hợp tác xã Thủy sản: phải có đủ điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên Hợp tác xã theo đúng quy định tại Nghị định số 46/CP ngày 29-4-1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thủy sản.

Để có Căn cứ xác định việc miễn thuế môn bài đối với xã viên Hợp tác xã, các Hợp tác xã phải hạch toán theo dõi đầy đủ doanh thu, chi phí, kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng xã viên vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Hợp tác xã. Nếu không hạch toán theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của từng xã viên vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Hợp tác xã thì không được thực hiện việc miễn thuế môn bài theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Đối với trường hợp mới thành lập:

a.1. Hợp tác xã sản xuất, xây dựng, vận tải mới thành lập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian 2 năm tiếp theo. Trường hợp thành lập ở huyện miền núi, hải đảo và vùng có khó khăn khác thời gian giảm thuế được kéo dài thêm 2 năm nữa.

a.2. Hợp tác xã sản xuất, xây dựng, vận tải mới thành lập mà thuộc lĩnh vực, ngành nghề được ưu đãi đầu tư được miễn thuế, giảm thuế như sau:

+ Đầu tư ở những huyện ngoài vùng miền núi, hải đảo và ngoài các vùng có khó khăn khác được miễn thuế thu nhập 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 3 năm tiếp theo.

+ Đầu tư ở những vùng khó khăn được miễn thuế thu nhập trong thời gian 3 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo.

+ Đầu tư ở những huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi và ở hải đảo được miễn thuế thu nhập trong thời hạn 4 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 7 năm tiếp theo.

+ Đầu tư ở những huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số ở miền núi cao được miễn thuế thu nhập trong thời hạn 4 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 9 năm tiếp theo.

a.3. Hợp tác xã kinh doanh, dịch vụ mới thành lập thuộc ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi đầu tư được miễn thuế, giảm thuế như sau:

+ Đầu tư ở những huyện ngoài vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi, hải đảo và các vùng có khó khăn khác được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời gian 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

+ Đầu tư ở những vùng khó khăn được miễn thuế thu nhập trong thời hạn 1 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 3 năm tiếp theo.

+ Đầu tư ở những huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi và hải đảo được miễn thuế thu nhập trong thời hạn 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 4 năm tiếp theo.

+ Đầu tư ở những huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số ở miền núi cao được miễn thuế thu nhập trong thời hạn 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo.

Đối với hợp tác xã sản xuất, kinh doanh tổng hợp, mà trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chức năng sản xuất (hoặc xây dựng, hoặc vận tải) nếu Hợp tác xã hạch toán riêng được phần doanh thu, chi phí của từng hoạt động thì được áp dụng các tiêu chuẩn ưu đãi đối với từng hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại Thông tư này. Trường hợp không hạch toán riêng được thì chỉ thực hiện ưu đãi theo quy định đối với loại hình Hợp tác xã kinh doanh, dịch vụ.

b) Đối với trường hợp đầu tư mở rộng sản xuất:

Hợp tác xã sản xuất, xây dựng, vận tải đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất, xây dựng, vận tải được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm của năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp tăng thêm do đầu tư mới mang lại của 2 năm tiếp theo.

Cách xác định phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới mang lại được miễn thuế, giảm thuế thu nhập Doanh nghiệp nêu tại khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 3, mục I, phần Đ, Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp.

c) Đối với trường hợp di chuyển đến địa bàn ưu đãi đầu tư:

Hợp tác xã kinh doanh di chuyển đến miền núi, hải đảo và vùng có khó khăn khác theo quy định của Chính phủ được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp 3 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

d) Đối với trường hợp cụ thể khác:

- Hợp tác xã có thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng không thuộc diện chịu thuế thu nhập Doanh nghiệp.
- Hợp tác xã thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, làm muối như: tưới tiêu nước, làm đất, bảo quản hàng hoá, bảo vệ vật nuôi, cây trồng, bảo vệ thực vật, sản xuất và sửa chữa công cụ làm muối, nông cụ, ngư cụ, dịch vụ thủy lợi... được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ những hoạt động đó. Những hoạt động dịch